

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06 - 38
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 38

011
CH
CƠ
HÀN
TÂN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Hữu Minh	Chủ tịch
Ông Trương Văn Cư	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Lợi	Thành viên
Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên
Ông Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Văn Cư	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban	
Ông Hoàng Quốc Hưng	Kiểm soát viên	
Ông Trần Nguyễn Duy Sinh	Kiểm soát viên	(Bỏ nhiệm ngày 28/04/2017)
Ông Phạm Ngọc Tiến	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2017)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Số: 357 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 18 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 38 của Báo thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó, số liệu so sánh của Báo cáo tài chính là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016, đây là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty khi chuyển sang Công ty cổ phần. Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Văn Quý
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		452.207.008.663	330.954.950.684
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	234.870.846.239	140.846.345.536
111	1. Tiền		152.983.904.321	110.452.494.491
112	2. Các khoản tương đương tiền		81.886.941.918	30.393.851.045
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	16.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		107.190.637.515	100.597.735.157
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	5.500.259.637	481.363.674
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	74.409.292.534	47.403.509.118
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	28.198.749.538	53.630.526.559
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	(917.664.194)
140	IV. Hàng tồn kho	09	92.488.525.143	60.382.985.478
141	1. Hàng tồn kho		92.488.525.143	60.382.985.478
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.656.999.766	18.127.884.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	356.701.544	1.261.306.969
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	1.300.298.222	16.866.577.544
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		745.886.796.606	754.527.018.322
220	II. Tài sản cố định		71.870.667.103	78.978.426.973
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	71.870.667.103	78.978.426.973
222	- Nguyên giá		324.676.375.797	334.030.696.525
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(252.805.708.694)	(255.052.269.552)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		51.936.062.210	47.612.627.943
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	51.936.062.210	47.612.627.943
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	618.276.836.840	623.055.308.895
251	1. Đầu tư vào công ty con		559.080.472.655	559.080.472.655
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.799.582.188)	(21.110.133)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.803.230.453	4.880.654.511
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.803.230.453	4.880.654.511
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.198.093.805.269	1.085.481.969.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.279.941.227	102.575.446.243
310	I. Nợ ngắn hạn		74.485.050.830	85.381.277.995
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	2.247.119.333	1.796.682.301
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.920.644.612	6.521.008.384
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19.580.399.762	477.413.284
314	4. Phải trả người lao động		21.960.698.716	60.566.280.587
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.619.748.475	1.978.207.468
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	13.930.510.313	6.760.402.206
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	637.389.091	1.002.389.091
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.588.540.528	6.278.894.674
330	II. Nợ dài hạn		23.794.890.397	17.194.168.248
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	12.367.000.192	12.502.740.192
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.427.890.205	4.691.428.056
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.099.813.864.042	982.906.522.763
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.099.813.864.042	982.906.522.763
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		31.036.956.829	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		189.326.907.213	103.456.522.763
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.843.004.652	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		182.483.902.561	103.456.522.763
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.198.093.805.269	1.085.481.969.006

(Handwritten signatures and stamps)

Trần Lý Độ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Từ ngày 01/05/2016
			2017	đến ngày 31/12/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		157.130.314.948	278.999.788.254
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(94.417.343.159)	(123.408.288.726)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(79.605.954.384)	(83.811.678.850)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(75.688.418)	(63.003.889)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(8.500.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.229.357.006	12.277.196.833
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(55.901.451.873)	(62.824.820.810)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(32.640.765.880)</i>	<i>12.669.192.812</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.323.434.267)	(14.909.932.117)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		167.394.102.755	57.576.766.155
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	6.727.427.019
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(11.219.494.925)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.178.269.858	2.212.835.280
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>162.248.938.346</i>	<i>38.387.601.412</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.583.471.633
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(500.740.000)	(708.017.353)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.078.410.080)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(35.579.150.080)</i>	<i>3.875.454.280</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>94.029.022.386</i>	<i>54.932.248.504</i>

ĐẠI
NH
VHH
TOÁN
CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	Từ ngày 01/05/2016
			2017	đến ngày 31/12/2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		140.846.345.536	85.682.220.431
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.521.683)	231.876.601
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>234.870.846.239</u>	<u>140.846.345.536</u>

Trần Lý Đệ

Lâm Thanh Phú



Trương Văn Cư

Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 07 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29 tháng 04 năm 2016, chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 879.450.000.000 VND, vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 879.450.000.000 VND; tương đương 87.945.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Trồng cây cao su, khai thác và chế biến mủ cao su.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su;
- Công nghiệp hóa chất phân bón;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, dụng cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thương nghiệp bán buôn.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong 6 tháng 2017, do mức tiêu thụ sản phẩm giảm và do số liệu so sánh kỳ trước là 08 tháng đầu tiên hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, nên doanh thu kỳ này giảm so với kỳ trước, nhưng do giá bán mủ cao su tăng, nên dù doanh thu giảm nhưng Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này vẫn cao hơn so với kỳ trước. Ngoài ra, thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su kỳ này cao hơn kỳ trước nên Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này cao hơn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Văn phòng Công ty	Tây Ninh	Kinh doanh mủ cao su
- Nông trường cao su Xa Mát	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Tân Hiệp	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Bồ Túc	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Nông trường cao su Suối Ngõ	Tây Ninh	Trồng và khai thác mủ cao su
- Xí nghiệp cơ khí chế biến	Tây Ninh	Cơ khí vận tải, chế biến mủ cao su
- Trung tâm y tế Công ty	Tây Ninh	Y tế

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

1105
II NH
NG TY
G KIẾ
AAI
* TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất (đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

006-C
ANH
TNHH
M TÔI
C
HỒ CH

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo công văn số 193/BTC-TCDN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc trích khấu hao vườn cây cao su và công văn số 221/QĐ-CSVN của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành điều chỉnh tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ trích khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó. Mức trích khấu hao cho năm khai thác cuối cùng của vườn cây Cao su (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản nợ vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CHI
CÓN
ANG
IV 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo khoản 1, điều 6, thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.807.176.180	4.714.500.060
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	148.176.728.141	105.737.994.431
Các khoản tương đương tiền (*)	81.886.941.918	30.393.851.045
	<u>234.870.846.239</u>	<u>140.846.345.536</u>

(*) Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6 %/năm đến 4,8 %/năm.

306-C
 NH
 TNHH
 TỐA
 C
 3CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) **Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	50,79%	50,79%	Trồng cao su

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	21,60%	21,60%	Khai thác, chế biến, sản xuất gỗ

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 37.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	6,11%	6,11%	Sản xuất và kinh doanh XNK gỗ ván
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	3,04%	3,04%	Thương mại, dịch vụ
- Công ty CP Quasa - Geruco	Tỉnh Quảng Trị	1,52%	1,20%	Trồng cao su
- Công ty CP Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	7,56%	7,56%	Đầu tư xây dựng hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	3.709.072.095	-
- OPC - FAO INTERNATIONAL LIMITED	1.287.000.206	-
- Eksambath Company	461.871.194	461.871.194
- Các đối tượng khác	42.316.142	19.492.480
	<u>5.500.259.637</u>	<u>481.363.674</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>3.709.072.095</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	71.624.000.000	-	45.649.600.000	-
- Các đối tượng khác	2.785.292.534	(455.793.000)	1.753.909.118	(455.793.000)
	<u>74.409.292.534</u>	<u>(455.793.000)</u>	<u>47.403.509.118</u>	<u>(455.793.000)</u>

7 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	87.990.000	-	225.000	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	2.324.297.922	-
- Phải thu có tức được chia	3.439.518.900	-	2.359.518.900	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	545.193.388	-	604.823.926	-
- Phải thu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	-	13.936.726.247	-
- Cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom mượn tiền không tính lãi	15.473.905.000	-	15.473.905.000	-
- Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm nhân thọ	94.798.793	-	71.268.573	-
- Phải thu về vật tư giao khoán, tiền ăn giữa ca của các nông trường	697.094.464	-	782.873.587	-
- Phải thu BHXH tỉnh Tây Ninh tiền ốm đau thai sản	-	-	395.048.521	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	655.968.905	-	803.211.622	-
- Phải thu thuế TNCN của nhân viên	1.122.610.006	-	22.634.729	-
- Phải thu tiền tạm ứng đi tham quan du lịch cho nhân viên	1.182.800.000	-	-	-
- Phải thu tiền thuế đất, phí quản lý các hộ giao khoán	323.766.242	-	-	-
- Phải thu về chi vượt Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.715.267.767	-	16.028.477.570	-
- Phải thu khác	859.836.073	-	827.514.962	-
	<u>28.198.749.538</u>	<u>-</u>	<u>53.630.526.559</u>	<u>-</u>

11/11
HINH
ONG
NGK
A
20
4-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8 . NỢ XẤU

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Eksambath Company	461.871.194	-	461.871.194	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đức	455.793.000	-	455.793.000	-
	<u>917.664.194</u>	<u>-</u>	<u>917.664.194</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	10.126.600.939	-	5.686.632.181	-
- Công cụ, dụng cụ	2.001.423.156	-	677.833.728	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.475.876.126	-	4.447.839.847	-
- Thành phẩm	56.417.369.652	-	42.819.346.008	-
- Hàng hoá	18.467.255.270	-	6.751.333.714	-
	<u>92.488.525.143</u>	<u>-</u>	<u>60.382.985.478</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2013	14.378.951.873	13.997.136.979
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2014	13.352.499.782	12.742.756.268
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2015	12.895.901.908	12.182.950.184
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2016	9.561.433.871	8.689.784.512
- Xây dựng cơ bản vườn cây năm 2017	1.747.274.776	-
	<u>51.936.062.210</u>	<u>47.612.627.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	100.548.306.115	59.475.048.168	25.982.366.132	2.305.235.998	145.719.740.112	334.030.696.525
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(9.354.320.728)	(9.354.320.728)
Số dư cuối kỳ	<u>100.548.306.115</u>	<u>59.475.048.168</u>	<u>25.982.366.132</u>	<u>2.305.235.998</u>	<u>136.365.419.384</u>	<u>324.676.375.797</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	67.242.536.587	51.513.628.407	21.726.550.134	2.004.611.742	112.564.942.682	255.052.269.552
- Khấu hao trong kỳ	3.014.712.509	814.530.659	801.928.069	116.277.206	2.284.196.731	7.031.645.174
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(9.278.206.032)	(9.278.206.032)
Số dư cuối kỳ	<u>70.257.249.096</u>	<u>52.328.159.066</u>	<u>22.528.478.203</u>	<u>2.120.888.948</u>	<u>105.570.933.381</u>	<u>252.805.708.694</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	33.305.769.528	7.961.419.761	4.255.815.998	300.624.256	33.154.797.430	78.978.426.973
Tại ngày cuối kỳ	<u>30.291.057.019</u>	<u>7.146.889.102</u>	<u>3.453.887.929</u>	<u>184.347.050</u>	<u>30.794.486.003</u>	<u>71.870.667.103</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.794.486.003 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 121.644.230.429 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tại thời điểm 30/06/2017, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đã khấu hao hết từ năm 2014, với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 345.068.540 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	294.388.558	1.023.127.315
- Chi phí sửa chữa	29.944.113	130.799.939
- Chi phí bảo hiểm	18.373.577	54.915.228
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.995.296	52.464.487
	<u><u>356.701.544</u></u>	<u><u>1.261.306.969</u></u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	366.673.327	682.546.564
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	448.879.476	654.794.696
- Chi phí vật tư ở các nông trường	2.545.730.818	3.209.837.588
- Chi phí trả trước dài hạn khác	441.946.832	333.475.663
	<u><u>3.803.230.453</u></u>	<u><u>4.880.654.511</u></u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	3.262.310.520	-
- Công ty Cổ phần Cao su Việt Phú Thịnh	1.081.640.700	-
- Nguyễn Ngọc Hậu	900.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lưu Gia	764.164.800	-
- Công ty TNHH Phát triển PTN	-	2.884.142.100
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha	-	866.335.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su	-	799.448.000
- Các đối tượng khác	1.912.528.592	1.971.083.284
	<u><u>7.920.644.612</u></u>	<u><u>6.521.008.384</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Tin Thành	823.491.985	823.491.985	65.700.000	65.700.000
- Công ty Cổ phần F.A	328.976.846	328.976.846	727.068.791	727.068.791
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Phương Nam	305.958.500	305.958.500	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thành Hưng Quang	268.206.400	268.206.400	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại In nông nghiệp Việt Nam	-	-	230.505.000	230.505.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Công nghiệp Dịch vụ Hùng Duy	-	-	183.590.700	183.590.700
- Phải trả các đối tượng khác	520.485.602	520.485.602	589.817.810	589.817.810
	2.247.119.333	2.247.119.333	1.796.682.301	1.796.682.301

110
INI
IGT
i KI
2/A
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		459.302.473		4.943.275.461		5.193.846.860		-		208.731.074	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.246.916.173		-		33.611.289.946		-		-		19.364.373.773	
Thuế Thu nhập cá nhân	1.381.215.000		-		1.324.459.759		5.096.610		61.851.851		-	
Thuế Tài nguyên	-		18.110.811		55.033.600		65.869.496		-		7.294.915	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	1.238.446.371		-		4.482.894.263		4.482.894.263		1.238.446.371		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		8.000.000		8.000.000		-		-	
	16.866.577.544		477.413.284		44.424.973.029		9.755.707.229		1.300.298.222		19.580.399.762	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
 Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

17 - CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.002.389.091	1.002.389.091	135.740.000	500.740.000	637.389.091	637.389.091
	<u>1.002.389.091</u>	<u>1.002.389.091</u>	<u>135.740.000</u>	<u>500.740.000</u>	<u>637.389.091</u>	<u>637.389.091</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	13.505.129.283	13.505.129.283	-	500.740.000	13.004.389.283	13.004.389.283
	<u>13.505.129.283</u>	<u>13.505.129.283</u>	<u>-</u>	<u>500.740.000</u>	<u>13.004.389.283</u>	<u>13.004.389.283</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.002.389.091)	(1.002.389.091)	(135.740.000)	(500.740.000)	(637.389.091)	(637.389.091)
	<u>12.502.740.192</u>	<u>12.502.740.192</u>			<u>12.367.000.192</u>	<u>12.367.000.192</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản nợ vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh bao gồm các khoản vay sau:

(1) Hợp đồng tín dụng trung hạn số HĐ 0200046457/144/2016/HĐHM-PN/SHB.HCM ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: đầu tư mua sắm thiết bị bồn chứa mù cao su ly tâm;
- Thời hạn của hợp đồng: 03 năm;
- Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m² tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 1.044.618.572 VND, giá trị nợ phải trả trong năm tới là 637.389.091 VND.

(2) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0200046457/15/2014/HĐTĐH-PN/SHB.130100 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng : 38.150.000.000 VND;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí tái canh vườn cây cao su trong năm 2013 của Công ty TNHH TMV Cao su Tân Biên (nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên);
- Thời hạn cho vay: 228 tháng (19 năm);
- Lãi suất cho vay: 8,75%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: quyền sở hữu và khai thác vườn cây cao su có tổng diện tích 9.603.800 m² tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00018/QSDD/450202 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/06/1997;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 11.959.770.711 VND, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/01/2021.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí thu mua mù nguyên liệu	1.492.459.008	1.978.207.468
- Chi phí phải trả khác	127.289.467	-
	<u>1.619.748.475</u>	<u>1.978.207.468</u>

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	445.436.355	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	3.274.077.107
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.751.035.000	1.041.965.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	99.589.920	-
- Phải trả lãi vay	15.666.889	16.967.854
- Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	-	385.181
- Phải trả Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và Thương mại Tân Phước Tài (tạm ghi nhận theo giá trị quyết toán)	1.411.349.091	1.411.349.091
- Quỹ ủng hộ, quỹ từ thiện, quỹ tình thương nhân viên đóng góp	616.130.688	326.828.552
- Phải trả tiền vật tư giao khoán cho công nhân các nông trường	-	470.278.070
- Thu hộ chi phí người thân nhân viên đi du lịch	763.175.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	828.127.370	218.551.351
	<u>13.930.510.313</u>	<u>6.760.402.206</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	879.450.000.000	-	-	879.450.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	103.456.522.763	103.456.522.763
Số dư cuối kỳ trước	879.450.000.000	-	103.456.522.763	982.906.522.763
Số dư đầu kỳ này	879.450.000.000	-	103.456.522.763	982.906.522.763
Lãi trong kỳ này	-	-	182.483.902.561	182.483.902.561
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	31.036.956.829	(31.036.956.829)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(30.398.561.282)	(30.398.561.282)
Chia cổ tức	-	-	(35.178.000.000)	(35.178.000.000)
Số dư cuối kỳ này	879.450.000.000	31.036.956.829	189.326.907.213	1.099.813.864.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐCSTB ngày 28/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	103.456.522.763
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	31.036.956.829
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29,38	30.398.561.282
Chi trả cổ tức (bằng 4%/mệnh giá)	34,00	35.178.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	6,61	6.843.004.652

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	98,46	865.905.530.000	98,46
Các cổ đông khác	1,54	13.544.470.000	1,54	13.544.470.000
	<u>100</u>	<u>879.450.000.000</u>	<u>100</u>	<u>879.450.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	879.450.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	879.450.000.000	879.450.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	879.450.000.000	879.450.000.000

d) Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.945.000	87.945.000
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.945.000	87.945.000
- Cổ phiếu phổ thông	87.945.000	87.945.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
	Quỹ đầu tư phát triển	31.036.956.829
	<u>31.036.956.829</u>	<u>-</u>

06-
 NH
 NHH
 TOA
 C
 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a)	Tài sản nhận giữ hộ	Đơn vị tính	30/06/2017	01/01/2017
-	Mủ cao su	(Tấn)	-	318,305
b)	Ngoại tệ các loại		30/06/2017	01/01/2017
-	Đồng đô la Mỹ (USD)		418.542,87	715.569,26

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm mủ cao su	150.417.457.360	242.834.636.972
Doanh thu bán hàng hóa mủ cao su	2.460.000.000	14.825.000.000
Doanh thu nước tinh khiết, sản phẩm nhựa PET	250.261.650	348.955.998
Doanh thu gia công	2.600.422.250	286.790.000
	155.728.141.260	258.295.382.970
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	28.507.859.351	-

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	85.569.456.359	179.552.277.242
Giá vốn hàng hóa mủ cao su	2.455.750.000	14.801.570.000
Giá vốn của nước tinh khiết, sản phẩm nhựa PET	182.328.094	385.506.385
Giá vốn gia công	2.552.595.242	196.456.628
	90.760.129.695	194.935.810.255

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.118.639.320	1.961.314.489
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.080.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	9.574.679	473.401.930
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	231.876.601
Doanh thu hoạt động tài chính khác	322.425.576	-
	3.530.639.575	2.666.593.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	59.966.733	60.811.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	20.008.501	170.550.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.521.683	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.778.472.055	21.110.133
Chi phí tài chính khác	31.572.219	21.363.636
	2.894.541.191	273.836.100

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	727.990.595	1.200.789.301
Chi phí nhân công	1.480.000	1.824.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.670.490	740.716.985
	1.098.141.085	1.943.330.286

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	264.208.880	426.991.120
Chi phí nhân công	4.355.943.814	11.517.417.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	309.755.640	440.067.824
Thuế, phí, lệ phí	162.118.715	277.493.583
Chi phí dự phòng	-	917.664.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.594.375	1.174.270.770
Chi phí khác bằng tiền	10.610.772.536	7.049.620.617
	16.735.393.960	21.803.526.009

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.530.727	3.032.755.182
Thu nhập từ thanh lý vườn cây cao su (*)	164.371.864.776	69.301.515.662
Thù lao người đại diện vốn tại các công ty đầu tư	137.250.000	18.000.000
Thanh lý, nhập kho nguyên liệu cây cao su gãy đổ	1.895.700.146	3.501.526.633
Thanh lý phế liệu, mù kiểm phẩm, mù tận thu	611.109.702	914.714.766
Tiền thuê nhà của CBCNV	45.018.182	99.059.091
Thu nhập từ khám chữa bệnh	79.770.811	270.786.048
Thu nhập từ tiền đặt cọc không thực hiện hợp đồng	-	179.509.010
Thu nhập từ bồi thường	15.892.994	-
Thu nhập từ quỹ bảo hiểm xuất khẩu hỗ trợ khắc phục thiệt hại vườn cây cao su	568.588.113	-
Phí quản lý thu các hộ nhận giao khoán	436.003.629	-
Thu nhập từ bán cây trầm vàng	-	258.600.000
Thu nhập từ bán gỗ đóng pallet, cùi bao bì	320.999.000	127.061.700
Thu nhập khác	102.003.812	479.385.548
	<u>168.593.731.892</u>	<u>78.182.913.640</u>
Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>98.725.753.846</u>	<u>41.139.595.243</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh lý 414,14 ha cao su với tổng giá bán là 164.588.871.882 VND. Vườn cây cao su thanh lý có nguyên giá 9.354.320.728 VND, giá trị còn lại tại thời điểm thanh lý là 109.212.611 VND, lãi từ hoạt động thanh lý vườn cây cao su là 164.371.864.776 VND.

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ	77.191.117	326.578.686
Giá trị vườn cây cao su chết do nắng hạn	-	198.702.684
Chi phí khác	191.923.172	194.359.941
	<u>269.114.289</u>	<u>719.641.311</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	216.095.192.507	119.468.745.669
Các khoản điều chỉnh tăng	75.221.683	380.800.446
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.080.000.000)	(231.876.601)
Thu nhập chịu thuế TNDN	215.090.414.190	119.617.669.514
+ Thu nhập miễn thuế	47.033.964.459	39.556.554.986
+ Thu nhập tính thuế	168.056.449.731	80.061.114.528
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thuế suất 20%)	<u>33.611.289.946</u>	<u>16.012.222.906</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(14.246.916.173)	(21.759.139.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(8.500.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	<u>19.364.373.773</u>	<u>(14.246.916.173)</u>

5-00
HÀN
TY TN
IẾM
ASC
P.HC

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.341.728.103	45.960.528.108
Chi phí nhân công	52.850.695.771	143.270.643.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.804.704.381	12.833.060.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.136.462.772	6.169.675.541
Chi phí khác bằng tiền	17.677.700.406	21.437.925.013
	120.811.291.433	229.671.832.701

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.870.846.239	-	140.846.345.536	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.699.009.175	(461.871.194)	54.111.890.233	(461.871.194)
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	32.137.809.000	(2.357.008.500)	32.137.809.000	-
	316.707.664.414	(2.818.879.694)	240.096.044.769	(461.871.194)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	13.004.389.283	13.505.129.283
Phải trả người bán, phải trả khác	16.177.629.646	8.557.084.507
Chi phí phải trả	1.619.748.475	1.978.207.468
	30.801.767.404	24.040.421.258

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Đầu tư dài hạn	-	-	29.780.800.500	29.780.800.500
	-	-	29.780.800.500	29.780.800.500
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư dài hạn	-	-	32.137.809.000	32.137.809.000
	-	-	32.137.809.000	32.137.809.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.870.846.239	-	-	234.870.846.239
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.237.137.981	-	-	33.237.137.981
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-	-	16.000.000.000
	284.107.984.220	-	-	284.107.984.220
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.846.345.536	-	-	140.846.345.536
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.650.019.039	-	-	53.650.019.039
Các khoản cho vay	11.000.000.000	2.000.000.000	-	13.000.000.000
	205.496.364.575	2.000.000.000	-	207.496.364.575

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	637.389.091	12.367.000.192	-	13.004.389.283
Phải trả người bán, phải trả khác	16.177.629.646	-	-	16.177.629.646
Chi phí phải trả	1.619.748.475	-	-	1.619.748.475
	<u>18.434.767.212</u>	<u>12.367.000.192</u>	<u>-</u>	<u>30.801.767.404</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	1.002.389.091	12.502.740.192	-	13.505.129.283
Phải trả người bán, phải trả khác	8.557.084.507	-	-	8.557.084.507
Chi phí phải trả	1.978.207.468	-	-	1.978.207.468
	<u>11.537.681.066</u>	<u>12.502.740.192</u>	<u>-</u>	<u>24.040.421.258</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	-	4.583.471.633
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	500.740.000	708.017.353

34 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18 tháng 04 năm 2017, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-HỆTVCSVN về việc phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, chi phí trả chế độ cho người lao động đối dư khi bàn giao Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên sang Công ty cổ phần. Giá trị phần vốn Nhà nước bàn giao sang Công ty cổ phần là 879.450.000.000 VND, trong đó, vốn Nhà nước do Tập đoàn sở hữu là 865.905.530.000 VND chiếm tỷ lệ 98,46%.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊNTổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mủ cao su nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.643.739.751	24.084.401.509	-	155.728.141.260
Tài sản bộ phận	1.198.093.805.269	-	-	1.198.093.805.269
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.323.434.267	-	-	4.323.434.267
Tổng nợ phải trả	98.279.941.227	-	-	98.279.941.227

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Góp vốn đầu tư		-	11.219.494.925
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	-	11.219.494.925
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		28.507.859.351	-
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	26.649.107.351	-
- Công ty CP Xuất Khẩu Cao su VRG Nhật Bản	Cùng Công ty mẹ	1.858.752.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		14.154.116.364	21.747.449.854
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	-	185.401.672
- Viện nghiên cứu Cao su	Cùng Công ty mẹ	31.266.364	878.182
- Trường Cao Đẳng công nghiệp cao su	Cùng Công ty mẹ	7.100.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	14.115.750.000	6.462.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Công ty con	-	297.600.000
- Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên - Kampongthom	Công ty con gián tiếp	-	14.801.570.000
Cho mượn tiền		-	9.637.144.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	-	9.637.144.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2017</u> VND	<u>Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016</u> VND
Bán cao su thanh lý		98.684.572.028	41.139.595.243
- Công ty CP Công nghiệp và Xuất Nhập Khẩu Cao su	Cùng Công ty mẹ	16.781.727.040	7.994.476.713
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG DongWha	Cùng Công ty mẹ	31.572.178.567	10.908.351.165
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cao su	Cùng Công ty mẹ	-	6.527.600.373
- Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Cùng Công ty mẹ	21.189.700.563	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	29.140.965.858	15.709.166.992
Bán công cụ thiết bị		41.181.818	-
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	41.181.818	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.080.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	1.080.000.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		3.709.072.095	-
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	3.709.072.095	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		71.624.000.000	45.649.600.000
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	71.624.000.000	45.649.600.000
Phải thu ngắn hạn khác		18.913.423.900	31.770.150.147
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	-	13.936.726.247
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	Công ty con	15.473.905.000	15.473.905.000
- Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn	1.279.518.900	1.279.518.900
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	2.160.000.000	1.080.000.000
Phải trả ngắn hạn khác		8.137.710.000	385.181
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	-	385.181
- Công ty CP Công nghiệp và Xuất Nhập Khẩu Cao su	Cùng Công ty mẹ	1.678.173.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	2.914.097.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Cùng Tập đoàn	1.426.470.000	-
- Công ty Cổ phần Gỗ Dầu Tiếng	Cùng Tập đoàn	2.118.970.000	-

5-006
HÀNH
Y TNHH
M T O
SC
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu,
tỉnh Tây Ninh

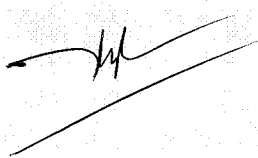



Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.317.337.060	950.400.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Kỳ kế toán từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty khi chuyển sang Công ty cổ phần nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được.

Trần Lý Dệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 07 năm 2017

